

PHÂN TÍCH BÀI THƠ ÁNH TRĂNG CỦA NGUYỄN DUY

1. Cảm nghĩ của em về bài thơ Ánh trăng của Nguyễn Duy

“Ánh trăng” (1978) là một trong những bài thơ của Nguyễn Duy được nhiều người ưa thích bởi tình cảm chân thành, sâu sắc, tứ thơ bất ngờ, mới lạ.

Vàng trắng dịu mát, sáng trong, vàng trắng huyền diệu tròn đầy tự bao giờ đã trở nên thân thương gắn bó với con người. Nếu vị thi tiên Lí Bạch khi xa quê đã không thể quên ánh trăng trên đỉnh núi Nga Mi:

“Ngẩng đầu nhìn trăng sáng

Cúi đầu nhớ cố hương”

Nếu Bác kính yêu coi trăng như bè bạn tri âm “Trăng vào cửa sổ đòi thơ” thì Nguyễn Duy nhà thơ trưởng thành thời kháng chiến chống Mỹ lại coi trăng là nguồn sáng lung linh để thanh lọc tâm hồn, để ăn năn hối lỗi. Bài thơ “Ánh trăng” (1978) của ông được khơi nguồn từ những

Cảm xúc chân thành và cao đẹp như thế

Bài thơ mang dáng dấp như một câu chuyện với lời kể mở đầu tự nhiên, trôi chảy về mối quan hệ gắn bó giữa trăng và nhà thơ:

*“Hồi nhỏ sống với đồng
Với sông rồi với bể
Hồi chiến tranh ở rừng
Vàng trăng thành tri kỉ”*

Chỉ bằng 4 câu thơ ngắn Nguyễn Du đã dựng lại được cả thời niên thiếu cho đến lúc trưởng thành, 1 không gian thân thương: đồng, sông, bể. Từ không gian đầy ắp kỉ niệm ấy ta nhận ra niềm say mê, sáng khoái của con người trong cái mát lạnh dịu ngọt ân tình của quê hương qua ánh trăng lai láng trên cánh đồng, dòng sông, bãi biển. Không gian cứ mở rộng mãi ra, bao la bát ngát theo nhịp trưởng thành của con người. Thời gian không ngừng vận động và cậu bé lớn lên từ quê hương ấy đã trở thành chiến sĩ. Khi xa quê, đi vào cuộc chiến, nỗi nhớ thương chợt hiện về quay quắt tâm hồn, lúc này người và trăng lại càng gắn bó _ ánh trăng là bạn tri kỉ chia sẻ mọi gian nan thiếu thốn, mọi buồn vui sướng khổ trong những năm tháng chiến tranh của tác giả. Như vậy là tuổi thơ chớp mắt đã trôi qua. Cái còn lại lúc này alf vàng trăng thật đơn sơ, chung thủy. Hai chữ hồi ở câu thơ thứ nhất và thứ 3 làm cho khổ thơ như có một chỗ dừng chân. Cái dừng chân giữa ranh giới của ấu thơ và trưởng thành. Ánh trăng soi rọi về quá khứ khiến tiếng nói tâm tình trở nên sâu lắng thiết tha.

*“Trần trụi giữa thiên nhiên
Hồn nhiên như cây cỏ
Ngỡ không bao giờ quên
Cái vàng trăng tình nghĩa”*

Trăng hồn nhiên như trẻ thơ, trăng chân thành như bè bạn, trăng gắn bó sâu nặng với con người mà không trở lực nào có thể ngăn cách. Những năm tháng con người sống thật nhất với mình, trần trụi, hồn nhiên là khi con người ta trân trọng, đĩnh ninh một lời thề son sắt “ngỡ không bao giờ quên, cái vàng trăng tình nghĩa” Từ ngỡ là chiếc cầu nối ngôn từ vừa khép lại thời qua khứ vừa mở ra thời hiện tại tạo nên sự chuyển tiếp cho khổ thơ thứ 3

*Từ hồi về thành phố
Quen đèn điện cửa gương
Vàng trăng đi qua ngõ
Như người đứng qua đường*

Cuộc sống hiện đại với ánh sáng chói loà của ánh điện cửa gương, với những vật dụng ngày càng hiện đại dường như đã làm lu mờ ánh sáng của vàng trăng. Tác giả đã tạo ra sự đối lập giữa vàng trăng nghĩa tình trong quá khứ với vàng trăng xa lạ như người đứng qua đường bây giờ. Là ánh trăng đã khác ánh trăng của ngày xưa? Không! Ánh trăng vẫn thế vẫn gần gũi thân thương dịu dàng, chỉ có hoàn cảnh sống của con người đã thay đổi khiến họ không nhận ra vẻ đẹp của vàng trăng tri kỷ ngày xưa hay chính họ đã thờ ơ, họ quên đi. Thật xót xa cho vàng trăng tuổi thơ vàng trăng đi bên nhau một thời chinh chiến như tri kỷ, vậy mà khi người ta sống giữa phồn hoa đô thị thì nó lại bị lãng quên. Mấy chục năm về trước Tố Hữu cũng đã từng băn khoăn, trăn trở về sự thay đổi của lòng người như thế trong bài thơ Việt Bắc:

*“Mình về thành thị xa xôi
Nhà cao còn nhớ núi đồi nữa chăng
Phố cao còn nhớ bản làng
Sáng đèn còn nhớ ánh trăng giữa rừng”*

Ánh trăng đã được tác giả nhân hoá để gửi gắm suy tư về nhân tình thế thái. Lời thơ so sánh của Nguyễn Duy “vàng trăng đi qua ngõ, như người đứng qua đường” như xoáy vào lòng người một nỗi niềm xót xa nhức nhối, bởi sự phản bội ở đây không chỉ với lịch sử, ời thiên nhiên mà còn với chính bản thân mình nữa.

Cuộc đời như một dòng sông khi dịu êm lặng lẽ, lúc cuộn sóng trào dâng, bởi thế cuộc sống thời hiện đại sao có thể êm đềm mãi cho được.

*“Thình lình đèn điện tắt
Phòng buyn_đinh tối om
Vội bật tung cửa sổ
Đột ngột vàng trăng tròn”*

Đây là khổ thơ quan trọng trong cấu tứ của toàn bài, là sự chuyển biến có ý nghĩa bước ngoặt của mạch cảm xúc, bộc lộ rõ chủ đề tư tưởng của bài thơ. Ở đây không chỉ là sự thay thế ánh trăng cho ánh điện mà còn là sự thức tỉnh trong tiềm thức của con người. Các từ “bật tung”, “đột ngột” diễn tả cảm xúc mạnh mẽ bất ngờ có cái gì như là thoảng thoát âu lo trong hình ảnh “Vội bật tung cửa sổ” Vàng trăng ấy đâu phải chỉ khi đèn điện tắt mới xuất hiện mà nó vẫn nguyên vẹn như thế, tròn đầy như thế, dịu lành như thế, vẫn lặng lẽ đi bên cạnh cuộc

đời con người, nó làm sáng lên cái góc tối đánh thức sự quên lãng trong cái đời sống đủ đầy đến thừa thãi của con người.

Trong khoảng khắc tình linh đối diện với vàng trắng, một thời kỉ niệm ân tình ngày xưa ủa về “rưng rưng” sống dậy thổn thức, lay động da diết lòng người Ngửa mặt lên nhìn mặt

*“Có cái gì rưng rưng
Như là đồng là bể
Như là sông là rừng”*

Hai chữ “mặt” trong một câu thơ là hai tấm lòng đang đối diện: mặt trăng và mặt người. Hay chính là con người đang đối diện với chính lòng mình, với cái phần ân tình quá khứ mà mình đã vô tình lãng quên. Có cái gì đó trào dâng lên trong lòng người, rưng rưng, cay xè và giọt lệ như sắp tuôn trào bên hàng mi. Nhà văn Nam Cao đã từng nói rất đúng rằng: “Nước mắt là tấm kính biến hình của vũ trụ” Nước mắt có thể thanh lọc tâm hồn con người, khi nào người ta còn biết khóc là khi họ còn có một trái tim, một tấm lòng để rung động và để yêu thương. Cái tốt lành trong sáng đã hé nở trong hai chữ “rưng rưng” nao lòng người ấy. Nguyễn Duy gặp lại ánh trăng như gặp lại một không gian tình nghĩa: đồng, bể, sông, rừng. Ánh trăng soi rọi tâm hồn khiến nhà thơ bừng tỉnh”

*“Trăng cứ tròn vành vạnh
Kể chi người vô tình
Vàng trắng im phăng phắc
Đủ cho ta giạt mình”*

Khổ thơ kết bài của bài thơ là hai vế đối lập mà song song. Đối lập giữa cái tròn đầy vạnh vạnh của vàng trắng là hao khuyết thiếu hụt của kẻ đã vô tâm quên đi quá khứ _ cái qua khứ ân tình thủy chung mà họ “ngỡ không bao giờ quên”. Đối lập giữa cái im lặng độ lượng của trăng là sự thức tỉnh trong lương tri con người. Đối lập giữa hiện tại và quá khứ. Suy nghĩ của tác giả ở khổ thơ này đã được nâng lên tầm cao triết lí. Nếu ai đó có lúc quên đi những điều thiêng liêng tốt đẹp của quá khứ thì phải có những lúc giật mình thức tỉnh trong hiện tại mới mong đạt được những ân nghĩa tốt lành ở tương lai. Bởi đó là chân lí đã trở thành đạo lí của người Việt ta: “Uống nước nhớ nguồn”

“Ánh trăng” nhẹ nhàng, trong sáng về câu chữ, tự nhiên, thuần thực về kết cấu, bình dị, dễ hiểu về ý thơ, tha thiết trong giọng điệu. Bài thơ đã đem đến cho người đọc một bài học sâu sắc: con người cần sống có trước có sau, có tình có nghĩa để không bao giờ phải giật mình day dứt về những năm tháng vô tình hờ hững đã qua. Dù XH ngày càng văn minh, hiện đại nhưng ánh trăng trên trời cao và cả ánh trăng của Nguyễn Duy vẫn thật sự cần thiết với mỗi con người bởi nó là tấm gương sáng nhất giúp chúng ta soi vào để nhận ra những gì trong lành tinh khôi nhất của cuộc đời. Vàng trắng soi sáng những tâm hồn vô tình lãng quên.

2. Phân tích bài thơ Ánh trăng của Nguyễn Duy

Nguyễn Duy thuộc thế hệ nhà thơ trưởng thành trong cuộc kháng chiến chống Mỹ cứu nước. Nguyễn Duy nổi tiếng với các bài thơ như : “Tre Việt Nam”, “Hơi ẩm ổ rơm”, ... Hiện nay, Nguyễn Duy vẫn tiếp tục sáng tác, ông viết đều những bài thơ tài hoa, đậm chất suy tư.

“Ánh trăng” (1978) là một trong những bài thơ của Nguyễn Duy được nhiều người ưa thích bởi tình cảm chân thành và sâu sắc, tứ thơ bất ngờ, mới lạ.

Hai khổ thơ đầu, tác giả nhắc đến những kỉ niệm đẹp:

*“Hồi nhỏ sống với đồng.
Với sông rồi với bể
Hồi chiến tranh ở rừng
Vàng trăng thành tri kỉ”.*

Trăng gắn bó với tác giả ngay từ thời thơ ấu. Trăng gắn với đồng ruộng, dòng sông, biển cả. Dù ở đâu, đi đâu trăng cũng gắn bó với người. Nhưng phải đến khi ở rừng nghĩa là lúc tác giả sống trên tuyến đường Trường Sơn xa gia đình, quê hương vàng trăng mới trở thành “tri kỉ”. Trăng với tác giả là đôi bạn không thể thiếu nhau. Trăng chia ngọt, sẻ bùi, trăng đồng cam cộng khổ.

Tác giả khái quát vẻ đẹp của trăng, khẳng định tình yêu thương quý trọng của mình với trăng:

*“Trần trụi với thiên nhiên
Hồn nhiên như cây cỏ
Ngỡ không bao giờ quên
Cái vàng trăng tình nghĩa”.*

Trăng có vẻ đẹp vô cùng bình dị, một vẻ đẹp không cần trang sức, đẹp một cách vô tư, hồn nhiên. Trăng tượng trưng cho vẻ đẹp hồn nhiên nên trăng hoà vào thiên nhiên, hoà vào cây cỏ. “Vàng trăng tình nghĩa”, bởi trăng từng chia ngọt, sẻ bùi, đồng cam cộng khổ, bởi trăng là người bạn, tri âm, tri kỉ.

Ấy mà có những lúc tác giả tự thú nhận là mình đã lãng quên cái “vàng trăng tình nghĩa” ấy

*“Từ hồi về thành phố
Quen ánh điện, cửa gương
Vàng trăng đi qua ngõ
Như người dưng qua đường”.*

Trước đây, tác giả sống với sông, với bể, với rừng bây giờ môi trường đã thay đổi. Từ hồi về thành phố đời sống cũng thay đổi theo : “quen ánh điện, cửa gương”. “Ánh điện”, “cửa gương” tượng trưng cho cuộc sống sung túc, đầy đủ sang trọng ... dần dần “cái vàng trăng tình nghĩa” ngày nào bị lãng quên. “Vàng trăng” ở đây tượng trưng cho những tháng năm gian khổ, đó là tình bạn, tình đồng chí được hình thành từ những tháng năm ấy. Trăng bây giờ thành “người dưng”... Con người ta thường hay đổi thay như vậy. Bởi thế đời vẫn thường nhắc nhau : “ngọt bùi nhớ lúc đắng cay”. Ở thành phố vì quen với “ánh điện, cửa gương” quen với cuộc sống đầy đủ tiện nghi nên người đã không thêm để ý đến “Vàng trăng” - con người, mảnh đất tượng là tri kỉ một thời. Phải đến lúc toàn thành phố mất điện:

*“Phòng buyn đình tối om
Vội bật tung cửa sổ
Đột ngột vầng trăng tròn”*

“Vàng trắng” xuất hiện thật bất ngờ, khoảnh khắc ấy, phút giây ấy... người lính năm xưa mới bàng hoàng trước vẻ đẹp kì diệu của vầng trăng. Bao nhiêu kỉ niệm xưa bỗng ùa về làm

*“Con người này” cứ “rưng rưng” nước mắt.
“Ngửa mặt lên nhìn mặt
Có cái gì rưng rưng...”
“... Ánh trăng im phăng phắc
Đủ cho ta giật mình...”*

Trăng vẫn thủy chung mặc cho ai thay đổi, vô tình với trăng. Trăng bao dung và độ lượng biết bao ! Tấm lòng bao dung độ lượng ấy “đủ cho ta giật mình” mặc dù trăng không một lời trách cứ. Trăng tượng trưng cho vẻ đẹp bền vững, phẩm chất cao quý của nhân dân, trăng tượng trưng cho vẻ đẹp bền vững của tình bạn, tình đồng đội trong những tháng năm “không thể nào quên”. Nhưng tượng trưng cho “mảnh đất nuôi ta thành dũng sĩ.

“Ánh trăng” của Nguyễn Duy đã gây được nhiều xúc động đối với độc giả bởi cách diễn đạt bình dị như lời tâm sự, lời tự thú, lời tự nhắc chân thành. Giọng thơ trầm tĩnh sâu lắng. Tứ thơ bất ngờ mới lạ, “Ánh trăng” còn mang ý nghĩa triết lí về sự thủy chung khiến cho người đọc phải “giật mình” suy nghĩ, nhìn lại chính mình để sống đẹp hơn, nghĩa tình hơn.

3. Bình giảng bài thơ Ánh trăng của Nguyễn Duy

Vừa mới xuất hiện, Nguyễn Duy đã nổi tiếng với bài “Tre Việt Nam”. Bài “Hơi ẩm ồ rơm” của ông đã từng đoạt giải hưởng báo Văn nghệ. “Ánh trăng” cũng là một trong những bài thơ được nhiều độc giả yêu thích bởi tình cảm chân thành, sâu sắc, tứ thơ bất ngờ mới lạ.

Qua bài thơ, tác giả đã kín đáo bộc lộ những suy nghĩ, chiêm nghiệm về một lẽ sống cao quý trong cuộc đời của mỗi con người. Khổ thơ mở đầu như những lời tự sự ghi lại những dòng hồi ức của tác giả về quá khứ:

*“Hồi nhỏ sống với đồng
với sông rồi với bể
hồi chiến tranh ở rừng
vầng trăng thành tri kỉ”*

Trăng gắn bó với tác giả ngay từ thời thơ ấu. Trăng gắn với đồng ruộng, dòng sông, biển cả. Dù ở đâu, đi đâu trăng cũng ở bên cạnh. Nhưng phải đến khi ở rừng, nghĩa là lúc tác giả sống trên tuyến đường Trường Sơn, xa gia đình, quê hương, vầng trăng mới thành “tri kỉ”. Trăng với tác giả là đôi bạn không thể thiếu nhau, hiểu biết, thông cảm lẫn nhau.

Điệp từ “hồi”, “với” diễn tả cuộc sống nhiều biến động của một con người. Điều ấy chứng tỏ nhà thơ đã đi nhiều, trải nhiều... Qua những hình ảnh không gian “đồng”, “sông”, “bể”, “rừng”,

tác giả đã diễn tả tinh tế sự vận động của thời gian gắn bó với sự trưởng thành của nhà thơ lớn lên từ đồng nội...

Tác giả như khắc đậm thêm tình cảm của mình đối với trăng:

*“Trần trụi với thiên nhiên
hồn nhiên như cây cỏ
ngỡ không bao giờ quên
cái vàng trắng tình nghĩa”*

Trăng có vẻ đẹp bình dị vô cùng, một vẻ đẹp không cần trang sức, đẹp một cách vô tư, hồn nhiên. Trăng tượng trưng vẻ đẹp thiên nhiên nên trăng hòa vào thiên nhiên, hòa vào cây cỏ. Hay nhà thơ còn muốn diễn tả sự gần gũi giữa mình với thiên nhiên, gần gũi với trăng: “Trần trụi với thiên nhiên”. Tâm hồn người chiến sĩ lúc ấy cũng “hồn nhiên” vô tư đến độ “như cây cỏ”... Vàng trắng “tri kỷ” đã đẹp rồi mà “vàng trắng tình nghĩa” còn cao quý biết nhường nào:

*“ngỡ không bao giờ quên
cái vàng trắng tình nghĩa”*

Trăng mỗi tháng một lần theo chu kỳ tuần hoàn của thiên nhiên, lại đến với con người. Trăng mang ánh sáng đến cho con người giữa ban đêm. Trăng tỏa ánh sáng xuống vòm cây, soi tỏ những lối đi, tỏa vẻ đẹp dịu mát xuống sân nhà. Trăng làm vui vẻ trẻ con, làm ấm lòng người già, trăng tạo mộng mơ cho đôi lứa, trăng chia ngọt sẻ bùi, đồng cam cộng khổ với những người lính ở rừng núi. Cái “tình nghĩa” vẹn toàn ấy của trăng làm sao con người có thể quên được. Cách nhân hóa “vàng trắng thành tri kỷ”, “vàng trắng tình nghĩa” thể hiện tình cảm nặng lòng của tác giả đối với trăng biết nhường nào!

Từ “ngỡ” ở đầu câu thơ thứ ba như báo trước một điều gì sẽ xảy ra trái với dự đoán và suy nghĩ ban đầu...

→ Điều ấy đã trở thành hiện thực, điều “ngỡ không bao giờ quên” ấy bây giờ đã quên:

*“Từ hồi về thành phố
...như người dừng qua đường”*

Trước đây tác giả sống với sông, với bể, với rừng, bây giờ môi trường sống đã thay đổi. Tác giả về sống với thành phố. Đời sống cũng thay đổi theo, quen “ánh điện, cửa gương”. “Ánh điện” và “cửa gương” tượng trưng cho cuộc sống sung túc, đầy đủ sang trọng... dần dần “cái vàng trắng tình nghĩa” ngày nào bị tác giả lãng quên. Phải chăng “vàng trắng” ở đây tượng trưng cho những năm tháng gian khổ ấy. Đó là tình bạn, tình đồng chí được hình thành từ những tháng năm gian khổ ấy. “Trăng” bây giờ thành “người dừng”... Hình ảnh nhân hóa ở đây thật sinh động “đi qua ngõ”. Trăng đâu có cao xa vời vợi, trăng vẫn gần gũi thân thương vậy mà con người thật lạnh lùng dừng dừng... Rõ ràng hoàn cảnh tác động đến con

người thật mạnh mẽ. Bởi thế người đời vẫn thường nhắc nhau: “Ngọt bùi nhớ lúc đắng cay – Ra sông nhớ suối có ngày nhớ đêm”.

Khổ thơ này có kết cấu đối lập, một bên là “ánh điện, cửa gương” sáng lòa, lộng lẫy, rực rỡ và một bên là “ánh trăng” dịu ngọt, thanh nhẹ. Đặt những hình ảnh có vẻ đối lập bên nhau, Nguyễn Duy muốn bộc lộ kín đáo một lời tự thú chân thành, nghiêm khắc. Bài thơ được phát triển đến một tứ thơ có chút kịch tính:

*“Thình lình đèn điện tắt
...đột ngọt vàng trắng tròn”*

Cử chỉ “vội bật tung cửa sổ” lúc bấy giờ chỉ là phản xạ hết sức tự nhiên của một người quen với ánh sáng điện nay lại bị giam trong bóng tối, mong có được một chút ánh sáng bên ngoài cho căn phòng đỡ tối tăm hơn mà thôi. Nhưng may mắn thay cũng là trở trêu thay, lúc ấy lại có trăng. Trăng trở nên quý giá biết bao vào những khi mất điện. Và riêng tác giả, cái vàng trắng đột ngọt hiện trên khoảng trời kia đâu phải chỉ để thay thế trong khoảnh khắc cho sự cố vừa rồi, mà nó còn làm xáo trộn tâm hồn thi sĩ:

*“Ngửa mặt lên nhìn mặt
...như là sông, là rừng”*

Trong câu thơ “Ngửa mặt lên nhìn mặt”, tác giả dùng đối xứng hai từ “mặt” rất hay. Đó là nhìn mặt tri kỷ, mặt của tình nghĩa mà bấy lâu nay mình dừng dừng. Nguyễn Duy gặp lại ánh trăng như gặp lại người bạn tuổi thơ, như gặp lại người bạn từng sát cánh bên nhau trong những tháng năm gian khổ. Từ gọi tả “rừng rừng” diễn tả nỗi xúc động của thi sĩ... Những kỉ niệm ngày nào bấy lâu tưởng bị chôn vùi nay lại ùa về đánh thức tâm hồn người trong cuộc:

*“như là đồng là bể
như là sông, là rừng”*

Điệp từ “như là” cùng với nhịp thơ gấp bộc lộ rất rõ cảm xúc đang trào dâng mạnh mẽ...
→ Khổ cuối bài thơ, Nguyễn Duy đưa người đọc cùng đắm chìm trong suy tư, trong chiêm nghiệm về “vàng trắng tình nghĩa” một thời:

*“Trăng cứ tròn vành vạnh
kể chi người vô tình
ánh trăng im phăng phắc
đủ cho ta giật mình.”*

Hình ảnh “vàng trắng” còn được nhà thơ nhìn lại “tròn vành vạnh” thật là đẹp, một cái đẹp viên mãn không hề bị khiếm khuyết. Cái ánh sáng tròn đầy hay cũng là cái đẹp của tình nghĩa thủy chung, nhân hậu mặc cho ai kia thay đổi, vô tình. Và cao quý biết bao bởi vì “vàng trắng” ngày nào còn tỏ ra bao dung độ lượng: “kể chi người vô tình”. Nhưng chính ánh trăng vô ngôn, không một lời trách cứ ấy đã khiến cho “người vô tình” thấy rõ cái khiếm khuyết của bản thân mà không khỏi “giật mình” tỉnh ngộ:

*“ánh trăng im phăng phắc
đủ cho ta giật mình”*

Ánh trăng hay là ánh nhìn? Vừa nghiêm khắc, lạnh lùng, vừa bao dung độ lượng, “sự im lặng đáng sợ” ấy khiến kẻ trong cuộc phải “giật mình” vì đến lúc này mới nhận rõ mình hơn. Cái “giật mình” chân thành thay cho một lời sám hối. Đó chính là cái hay và độc đáo của bài thơ có sức cảm hóa lòng người.

Bài thơ gây được xúc động bởi cách diễn tả như một lời tâm sự chân thành, lời tự nhắc nhở có giọng trầm tĩnh mà lắng sâu. Khổ thơ cuối của bài thơ mang chiều sâu tư tưởng triết lý: vầng trăng cứ tròn đầy lặng lẽ, “kể chi người vô tình”, là biểu tượng của sự bao dung độ lượng, của nghĩa tình thủy chung trọn vẹn trong sáng mà không hề đòi hỏi sự đền đáp. Đó cũng chính là phẩm chất cao cả của nhân dân mà Nguyễn Duy cũng như nhiều nhà thơ cùng thời đã phát hiện và cảm nhận một cách sâu sắc.

Với một giọng điệu thơ nhẹ nhàng, sâu lắng kết hợp với thể thơ ngũ ngôn và việc không viết hoa chữ cái đầu dòng thơ – thể thơ phù hợp với việc tự sự, bộc lộ cảm xúc, bài thơ “Ánh trăng” đã thực sự gây nhiều xúc động đối với bao độc giả.

Có lẽ ai đã từng đọc “Ánh trăng” cũng đều nghiêm khắc với chính mình như thế vì một thời quá khứ chưa được đánh giá đúng mức. Vâng, muộn còn hơn không, mỗi chúng ta đều phải có trách nhiệm với những gì thuộc về quá khứ. Hẳn “Ánh trăng” không chỉ làm “giật mình” một Nguyễn Duy mà thôi!